

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2017/HSST
Ngày 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Bùi Thanh Hương.
- Bà: Hoàng Thị Nguyệt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên
tòa:*** Ông Lò Minh Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại nhà văn hóa tổ 4, thị trấn Vinh quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST-HS gày 15 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

1. **Phàn Văn D** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21-3-1964.

Nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không; Con ông Chán Tả S (đã chết) và bà Phàn Xà L (đã chết); Có vợ là Đặng Xà S1, sinh năm 1962; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1986; Anh chị em ruột: Có 04 anh chị em, bị cáo là con cả trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 08-9-2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người làm chứng **Phàn Văn L:** Ông Phàn Kim N, sinh năm 1978; nơi cư trú thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh G; Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Xà S2, sinh năm 1979; nơi cư trú thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh G; Có mặt tại phiên tòa.

4. Người phiên dịch tiếng Dao: Ông Đặng Kim X – Cán bộ Hội nông dân huyện P, tỉnh G; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 21-3-2017 ông Phàn Kim N, sinh năm 1978, trú tại thôn Q, xã N, huyện P, điều khiển xe máy đèo vợ là Hoàng Xà S2 sinh năm 1979, đi từ xã T, huyện P về nhà, khi đến đường rẽ vào nhà thì có nghe thấy tiếng máy xúc đang đào đất ở trên đồi khu vườn chè nhà mình, nên ông N dừng xe cùng bà S2 lên kiểm tra. Khi lên đến nơi thấy anh Đặng Chàn P đang lái máy xúc đào ruộng cho anh Phàn Văn H làm đất tràn sang và lấp vào cây chè nhà mình, nên ông N ngăn cản và yêu cầu anh P tắt máy không cho đào tiếp và có hỏi “*cây chè nhà tôi, H cho đào đi chỗ khác hay lấp đi rồi*” thì anh P có trả lời “*không thấy chè đâu, khi tôi đưa máy lên đã phát đốt và dọn sạch cây cối rồi*”. Lúc này Phàn Văn D, sinh năm 1964, trú tại thôn Q, xã N, là bố đẻ của H đang cầm 01 con dao tông ngồi làm ông điều hút thuốc lào cách chỗ vợ chồng ông N và anh P khoảng hơn 30 mét, thấy anh N ngăn cản việc đào đất, D đã nói với vợ chồng ông N “*bìa đồ của tao, tao thích chặt thì chặt, thích đào thì đào, ai nói tao chém*”, nghe thấy D nói vậy bà S2 đã nói lại với D “*mày giỏi thì mày chém chết cả làng đi*” nghe thấy vợ và D cãi nhau nên ông N có bảo bà S2 đi về nhà để chặn dè, không cãi nhau với D nữa. Sau đó bà S2 đi theo đường mòn về nhà còn ông N đứng lại nói chuyện với anh P. Khi bà S2 đi qua gần chỗ D đang ngồi thì D đứng dậy cầm theo con dao, đến gần chỗ bà S2, D dùng tay phải vung dao chém 02 phát về phía bà S2, phát thứ nhất trúng vào bên trên mắt cá chân trái, phát thứ 2 vào bắp chân bên phải làm chân bà S2 chảy máu và bị thương nhẹ, sau đó bà S2 đã lao vào để giăng co, vật lộn với D để lấy con dao D đang cầm, nhưng không được, do vậy bà S2 đã cắn một nhát vào bắp tay phải và một nhát vào ngón cái bàn tay trái của D bị xước nhẹ ngoài da. Trong lúc hai người đang giăng co thì ông N đang đứng nói chuyện cùng anh P và nhìn thấy D và bà S2 đang giăng co nên đã chạy xuống để can ngăn. Khi xuống đến nơi ông N đứng trên mép bờ ruộng cách chỗ D đứng khoảng hơn 90cm, ông N khom người dơ hai tay về phía D định tước lấy con dao mà D đang cầm trên tay phải, thì bị D dùng dao đang cầm trên tay chém một phát mạnh trúng vào đùi bên trái của ông N, làm ông N bị thương, vết thương dài 03cm; rộng 01 cm; sau sát xương và làm đứt gân cơ thẳng đùi. Sau khi bị chém ông N đã cầm được tay phải của D đang cầm dao, đồng thời nhảy xuống ruộng cùng bà S2 giăng co lấy con dao D cầm tay nhưng không lấy được. Lúc này có anh Lý Văn G, sinh

năm 1983, trú ở cùng thôn nhìn thấy chạy đến can ngăn và tước lấy con dao từ tay của D. Sau khi được anh G can ngăn D đã bỏ về nhà, còn ông N, bà S2 được mọi người đưa vào cấp cứu tại phòng khám đa khoa khu vực xã N, huyện P, do vết thương của ông N bị chảy nhiều máu nên đã được chuyển lên Bệnh viện đa khoa khu vực huyện P để tiếp tục điều trị đến ngày 27-3-2017 thì ra viện.

Ngày 5/7/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoàng Su Phì ra quyết định số 30/QĐTC giám định tỷ lệ tổn hại % sức khỏe do thương tích gây nên đối với Phan Kim N. Tại Bản giám định pháp y về thương tích số 63/TgT ngày 14/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: Tỷ lệ phần trăm sức khỏe của bị hại Phan Kim N do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 16%. Sẹo phần mềm còn dị vật gây hạn chế gấp khớp gối trái, ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

Ngày 22/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì tiếp tục ra quyết định trưng cầu giám định số 35, để trưng cầu giám định tỷ lệ % đối với bà Hoàng Xà S2, nhưng do chỉ bị thương ngoài da và vết thương đã lành nên bà S2 đã có đơn từ chối không đi giám định, đồng thời có đơn đề nghị không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi của Phan Văn D.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Phan Kim N yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông N với tổng số tiền là: 29.987.000 (*Hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng, trong đó: Tiền chi phí mua thuốc, chuyển viện, ăn, nghỉ và các khoản chi phí khác trong quá trình ông N điều trị thương tích là 19.987.000 (*Mười chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 10.000.000đ (*Mười triệu*) đồng. Hiện bị cáo D vẫn chưa bồi thường cho ông N.

Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng gồm: 01 con dao tông dài 44cm có chuôi bằng gỗ, chuôi dao dài 20cm, lưỡi dao dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,5cm; phần hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm (đã qua sử dụng). Hiện đã chuyển kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì. Còn chiếc quần bị hại N mặc lúc bị chém, do chiếc quần đã bị rách ông N đem đi vứt ở đâu không nhớ, cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số 13/KSĐT ngày 21-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã truy tố Phan Văn D về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của

bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Phan Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Luật số 12/2017/QH14 và nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, nghị quyết 01/2016 NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 3 điều 7 bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn D được xem xét theo hướng có lợi khi quyết định hình phạt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 08-9-2017, về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Phan Kim N 29.987.000đồng, về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, kết luận giám định pháp y cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 21-3-2017, tại thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh G, bị cáo Phan Văn D đã có hành vi dùng 01 con dao tông dài 44cm có chuôi bằng gỗ, chuôi dao dài 20cm, lưỡi dao dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,5cm; phần hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm chêm một nhát vào đùi bên trái của ông N gây thương tích và làm đứt gân cơ thẳng đùi, tỷ lệ tổn hại sức khỏe 16%

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng su Phì truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được rằng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người là thiêng liêng, bất khả xâm phạm được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai cố tình vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên ngày 21-3-2017 bị cáo đã cố tình dùng dao chém vào đùi bên trái ông Phan Kim N gây ra những đau đớn về thể xác, hoảng loạn về tinh thần.

Trong quá trình phạm tội bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm mang tính sát thương cao, giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, bị cáo đã chém một nhát mạnh trúng vào đùi bên trái của ông N gây ra thương tích cho ông N tỷ lệ thương tật là 16%, do vậy hành vi của bị cáo mang tính chất côn đồ, hung hãn theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm a, i khoản 1 điều 104 BLHS, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 điều 104 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội về việc thi hành BLHS số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số Điều theo Luật số:12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số: 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số: 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số: 94/2015/QH13 và Công văn số: 237/TANDTC-PC ngày 07-11-2016 V/v viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015 trong bản án thì bị cáo được hưởng các tình tiết định khung hình phạt của tội Cố ý gây thương tích, tức là bị cáo được áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017 để quyết định hình phạt.

Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a)

.....
đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này.

Như vậy tại thời điểm phạm tội bị cáo bị áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999 thì mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Nhưng bị cáo được hưởng tình tiết có lợi theo Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, thì bị cáo bị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 được sửa đổi năm 2017, có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm.

[3] Xét tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng, mất trật tự trị an và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, bị cáo đã dùng con dao là hung khí nguy hiểm mang tính sát thương cao, khi bị cáo vật lộn, giằng co với bà S2, ông N đã vào can ngăn, bị cáo không cần nói chuyện để giải quyết sự việc bị cáo đã tấn công người bị hại, gây nên thương tích về cả tinh thần và thể chất đối với ông N. Hành vi của bị cáo mang tính chất côn đồ và rất nguy hiểm. Do vậy phải xử lý bị cáo nghiêm khắc bằng chế tài luật hình sự và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng khó khăn, Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Phan Kim N yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường với tổng số tiền là: 29.987.000 (*Hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng.

Theo đề nghị của ông Phan Kim N tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Phan Văn D hoàn toàn nhất trí bồi thường cho ông N số tiền là 29.987.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là hợp pháp cần áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về phần bồi thường, sự thỏa thuận này là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng gồm: 01 con dao tông dài 44cm có chuôi bằng gỗ, chuôi dao dài 20cm, lưỡi dao dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,5cm; phần hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm (đã qua sử dụng), mà cơ quan điều tra đã thu giữ, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, thấy rằng không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng khoản 1 điều 41 BLHS, các điểm a, đ khoản 2 điều 76 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc quần bị hại N mặc lúc bị chém, do chiếc quần đã bị rách ông N đem đi vứt ở đâu không nhớ, cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Trong vụ án này bị cáo D còn có hành vi chém bà S2. Tuy nhiên ngày 22/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì ra quyết định

trung cầu giám định số 35, để trung cầu giám định tỷ lệ % thương tật đối với bà Hoàng Xà S2, nhưng do chỉ bị thương ngoài da và vết thương đã lành nên bà S2 đã có đơn từ chối không đi giám định, đồng thời có đơn đề nghị không yêu cầu xử lý hình sự, không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với hành vi của Phạm Văn D. Nên không xem xét trách nhiệm đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 08-9-2017).

Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Văn D và bị hại Phạm Kim N. **Bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường cho ông Phạm Kim N** – nơi cư trú thôn Q, xã N, huyện P, tỉnh G số tiền 29.987.000 (*Hai mươi chín triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 41 BLHS, các điểm a, đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 con dao tông dài 44cm có chuôi bằng gỗ, chuôi dao dài 20cm, lưỡi dao dài 24cm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 5,5cm; phần hẹp nhất của lưỡi dao là 2,5cm (đã qua sử dụng). (*tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Hoàng Su Phì và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì ngày 21-11-2017*).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo

Phản Văn D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.499.350 (một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn ba trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- Công an huyện Hoàng Su Phì;
- PC 81, PV 27 Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh